

VAI TRÒ CỦA LIÊN XÔ TRONG CUỘC CHIẾN ĐẤU BẢO VỆ TỔ QUỐC CỦA VIỆT NAM NĂM 1979

PGS, TS NGUYỄN THỊ MAI HOA

Đại học Quốc gia Hà Nội

Tóm tắt: Cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam năm 1979 diễn ra trong điều kiện hết sức khó khăn, khi đất nước vừa phải đối diện với những khủng hoảng về kinh tế-xã hội, vừa phải dàn lực ở cả hai đầu biên giới, song, trong tình thế hiểm nghèo ấy, Việt Nam không đơn độc. Sát cánh bên nhân dân Việt Nam có bạn bè quốc tế, ủng hộ Việt Nam trên nhiều phương diện khác nhau, từ tinh thần tới vật chất; trong đó, nổi bật phải kể đến vai trò của Liên Xô.

Từ khóa: Vai trò của Liên Xô; Việt Nam; chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; năm 1979

1. Ủng hộ về chính trị

Ngay sau khi chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam diễn ra, Liên Xô đã lập tức có những động thái lên án quân xâm lược, ủng hộ Việt Nam. Ngày 18-2-1979, Chính phủ Liên Xô ra Tuyên bố: “sẽ thực hiện các nghĩa vụ được thừa nhận theo Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Liên Xô và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”¹. Bản Tuyên bố yêu cầu: “chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa chống nhân dân Việt Nam và lập tức rút quân khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam!”².

Lên án sự xâm lược, bày tỏ sự ủng hộ, tình đoàn kết hữu nghị với nhân dân Việt Nam, ủng hộ Việt Nam về chính trị được Nhà nước Xô viết thực hiện qua hàng loạt những hoạt động cụ thể, liên tục trong một khoảng thời gian khá dài, thông qua kênh tiếp xúc đại sứ, trong cuộc họp của Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô, trong các cuộc hội đàm, thảo

l luận với các đoàn đại biểu các nước viếng thăm Liên Xô, trong các dịp tổ chức các lễ kỷ niệm, trong các cuộc tiếp xúc cử tri³... Nhìn chung, quan điểm, lập trường của Liên Xô là đối với hành động xâm lược Việt Nam là khá dứt khoát: “kiên quyết lên án cuộc xâm lược đầy tội ác”⁴ và khẳng định “sẽ đoàn kết với Việt Nam trong cuộc đấu tranh vì sự bất khả xâm phạm của biên giới lãnh thổ”⁵... Đặc biệt, ngày 2-3-1979, khi quân xâm lược bắt đầu bao vây Lạng Sơn, Chính phủ Liên Xô ra Tuyên bố thứ hai với lời lẽ khá cứng rắn. Tinh thần của bản Tuyên bố là Liên Xô sẵn sàng can thiệp và hành động theo các điều khoản của Hiệp ước với Việt Nam⁶. Bên cạnh đó, Nhà nước Liên Xô cũng cáo buộc Mỹ phải gánh một phần trách nhiệm trong sự kiện chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam năm 1979⁷.

Tích cực tham gia phản đối hành động xâm lược, ủng hộ Việt Nam, còn có các tầng lớp nhân dân lao động Liên Xô⁸, lực lượng vũ trang Xô

viết, nhiều đoàn thể chính trị-xã hội khác nhau⁹... Nhiều cuộc mít tinh, tuần hành đã được tổ chức, công nhân nhiều nhà máy, xí nghiệp đẩy mạnh sản xuất, quyết tâm hoàn thành các đơn đặt hàng của Việt Nam trước kế hoạch¹⁰. Không hiếm trường hợp công dân Liên Xô đã gửi thư và điện đến Đại sứ quán Việt Nam tại Moscow xin được sang Việt Nam chiến đấu. Ủy ban Hòa bình Liên Xô đã hoạt động rất tích cực: Chỉ trong vòng gần một tháng, Ủy ban này đã vận động và tập hợp được sự giúp đỡ của nhiều tổ chức quốc tế khác nhau, tổ chức một hội nghị quốc tế ở Stockholm lên án cuộc chiến tranh xâm lược tại Việt Nam¹¹.

Đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển tải thông tin về chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam năm 1979; qua đó, giúp tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Liên Xô và thế giới đối với Việt Nam là mạng lưới báo chí Xô viết. Chỉ trong hai ngày 19 và ngày 20-2-1979, riêng trên báo *Pravda* đã có 25 bài chỉ trích hết sức gay gắt về cuộc tấn công vào lãnh thổ Việt Nam¹². Từ khi chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam bùng nổ cho đến khi quân xâm lược rút quân và cả sau đó một thời gian dài, các tờ báo lớn của Liên Xô, với tần suất khá dày đặc, thường xuyên thông tin đến độc giả về diễn tiến chiến tranh biên giới phía Bắc của Việt Nam, về sự tàn bạo của quân đội xâm lược, về quyết tâm chiến đấu của nhân dân Việt Nam, về tình đoàn kết, sự ủng hộ của Liên Xô và nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với Việt Nam...

Ở Việt Nam, cán bộ, chuyên gia Liên Xô đang làm việc tại đây cũng có những hành động cụ thể thể hiện thái độ, lập trường của mình. Từ ngày 20-2 đến ngày 5-3-1979, đông đảo chuyên gia Liên Xô tại Hà Nội, Quảng Ninh, Hòa Bình... tổ chức mít tinh kịch liệt lên án hành động xâm lược Việt Nam, khẳng định “quyết tâm sẵn sàng lao động quên mình”, “nguyện kề vai sát cánh với nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc”¹³. Ngày 23-2-1979, phát biểu tại lễ kỷ niệm 61 năm ngày thành lập Quân đội và Hải quân Liên Xô tại Hà Nội, tùy viên quân sự Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội, Đại tá N.A.Saracov, khẳng định: Nhân dân Việt Nam “có những người bạn tin cậy. Liên Xô sẽ thực hiện những nghĩa vụ của mình theo bản Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Liên Xô và Việt Nam”¹⁴. Cũng cần nhấn mạnh rằng, phát ngôn của một tùy viên quân sự Liên Xô tại Việt Nam là cách thức truyền tải thông điệp của Moscow một cách đầy đủ và trực diện nhất.

Ngoài những tuyên bố cứng rắn lên án cuộc chiến tranh xâm lược tại Việt Nam, Liên Xô còn giúp Việt Nam đấu tranh trên diễn đàn Liên hợp quốc. Ngày 23-2-1979, tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, Quyền trưởng Đoàn đại biểu Liên Xô, Đại sứ M.Khaclamov, đọc diễn văn, nêu rõ hành động xâm lược vào lãnh thổ Việt Nam là kết quả logic của “chính sách khiêu khích và bành trướng” và “bằng cách đem quân chống Việt Nam, họ đã tỏ ra hoàn toàn không đếm xỉa đến Hiến chương Liên hiệp quốc”¹⁵. Chỉ trích những quốc gia dung túng hành động này là đang “đẩy thế giới vào vực thẳm của một cuộc chiến tranh tàn phá mới”¹⁶, Đại sứ M.Kharlamov kêu gọi: “cần kiên quyết chống lại những hành động đe dọa hòa bình của Trung Quốc”¹⁷.

Cùng với Đoàn đại biểu của Tiệp Khắc, Đoàn đại biểu Liên Xô đã trình một Dự thảo nghị quyết đòi phải rút ngay khỏi lãnh thổ Việt Nam; yêu cầu phải bồi thường chiến tranh cho Việt Nam; kêu gọi tất cả các thành viên của Liên hợp quốc chấm dứt cung cấp vũ khí cho Trung Quốc¹⁸; tuy nhiên, dưới áp lực của nhiều nước phương Tây, nghị quyết đã không được thông qua. Hội đồng Bảo an đã không đưa ra và không thông qua được một nghị quyết trong suốt cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam¹⁹.

Cũng cần lưu ý thêm rằng, thời kỳ Chiến tranh lạnh và đối đầu Đông-Tây, trong hệ thống XHCN

nói chung, Khối Vacsava, Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) nói riêng, trước mỗi một sự kiện quốc tế tiêu biểu, quan điểm, lập trường của Liên Xô là rất quan trọng, nó mang tính định hướng đối với các thành viên còn lại. Tương tự đối với trường hợp chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam, sau khi Liên Xô có phản ứng và thể hiện thái độ cứng rắn, kiên quyết lên án hành động xâm lược tại Việt Nam thì đại đa số các nước XHCN cũng lên tiếng. Từ ngày 18 đến ngày 19-2-1979, Trung ương Đảng và Chính phủ Tiệp Khắc, Bulgaria, Mông Cổ, Ba Lan, Hungaria, Lào.... đồng loạt ra tuyên bố, yêu cầu quân xâm lược phải nhanh chóng rút quân ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

2. Giúp đỡ về quân sự

Vào ngày đầu tiên cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam (17-2-1979), Trưởng đoàn chuyên gia quân sự tại Lào Thiếu tướng A.G.Gaponenko đã được điều động đến Việt Nam. A.G.Gaponenko đã làm việc với Bộ Quốc phòng Việt Nam, nghiên cứu các báo cáo về tình hình chiến sự, đến một số nơi ở biên giới quan sát thực địa và gửi báo cáo về Liên Xô²⁰.

Ngày 19-2-1979, Đại tướng G.I.Obaturov cùng 20 chuyên gia và cố vấn quân sự thuộc nhiều quân binh chủng khác nhau đã đến Hà Nội (Đại tướng G.I.Obaturov được bổ nhiệm làm Trưởng đoàn Cố vấn quân sự Liên Xô bên cạnh Bộ Quốc phòng Việt Nam)²¹. Sau khi họp với Bộ Tư lệnh Quân đội Nhân dân Việt Nam nghe báo cáo về diễn biến thực tế của cuộc chiến, Đại tướng G.I.Obaturov quyết định cùng với các chuyên gia đến vùng chiến sự, trực tiếp nắm bắt tình hình cụ thể để đưa ra những tư vấn chính xác và kịp thời. Khi đến địa bàn Lạng Sơn, ô tô của Đoàn cố vấn đã nằm trọn trong khu vực pháo kích của pháo binh địch và “thoát ra khỏi đó cũng như sống sót được quả là một phép lạ”²². Để bảo đảm thông tin liên lạc cho Đoàn cố vấn

quân sự với mặt trận và với Moscow, 188 chuyên gia về thông tin liên lạc (120 người đã có mặt ở Việt Nam từ năm 1978 và 68 người được cấp tốc cử sang Việt Nam khi cuộc chiến bùng nổ) đã làm việc không kể ngày đêm để mọi kênh thông tin liên lạc được thông suốt²³.

Sau chuyến thị sát, nhằm củng cố Quân đội và nâng cao hiệu quả chiến đấu, Đoàn cố vấn Liên Xô đưa ra một số đề nghị/khuyến nghị như: 1-Chuyển quân đoàn từ Campuchia về mặt trận Lạng Sơn²⁴; 2-Nhanh chóng gửi tới Lạng Sơn một trung đoàn pháo phản lực BM-21 (trang bị hệ thống tên lửa “Grad” được Liên Xô chuyển giao cho Việt Nam từ giữa năm 1978); 3-Huy động, tổ chức, sắp xếp lại một số bộ phận, đơn vị; 4-Ra lệnh rút khỏi vòng vây và rút về lực lượng đang chiến đấu trong hậu phương của đối phương²⁵. Mọi đề xuất của nhóm cố vấn Liên Xô đều được phía Việt Nam thông qua và hiện thực hóa²⁶. Đại tướng G.I.Obaturov cũng đề nghị lãnh đạo Liên Xô viện trợ khẩn cấp vũ khí và trang thiết bị cho Việt Nam.

Một trong những giúp đỡ quan trọng của Liên Xô đối với Việt Nam là trong lĩnh vực vận tải, nhất là khi Việt Nam thiếu thốn cả về phương tiện lẫn nhân lực vận tải. Phi đoàn máy bay vận tải An-12 của Liên Xô đã khẩn cấp giúp vận chuyển lực lượng vũ trang Việt Nam từ Campuchia về biên giới phía Bắc, còn hai tàu đổ bộ cỡ lớn (BDK) của Liên Xô cùng với các tàu đổ bộ Việt Nam “LST-2” và “LST-1” đã vận chuyển xe tăng và tàu sân bay bọc thép của hai lữ đoàn xe tăng từ các cảng Sianouk (Campuchia) và Sài Gòn về Hải Phòng. Ngoài ra, một cầu hàng không từ Liên Xô đến Việt Nam được thiết lập. Trong vòng gần một tháng, “các máy bay của vận tải hàng không quân sự Liên Xô đã giúp vận chuyển 20.000 quân nhân của lực lượng vũ trang Việt Nam, hơn 1.000 đơn vị trang thiết bị chiến đấu, 3.000 tấn vũ khí trang bị, đạn và cơ sở vật chất phục vụ chiến tranh”²⁷. Bên cạnh đó,

hàng hóa viện trợ còn được gửi tới Việt Nam bằng vận tải đường biển. Tại các quân cảng Vladivostok, Nakhodka, Odessa, hàng viện trợ quân sự được khẩn trương đưa xuống các đoàn tàu vận tải quân đội để chuyển đến Việt Nam. Để có thể bốc dỡ hàng nhanh chóng và an toàn, Liên Xô đã cử sang Việt Nam một đội bốc dỡ chuyên nghiệp với 150 công nhân, kỹ sư và chuyên gia được thành lập từ nguồn nhân lực các cảng Vladivostok, Nakhodka và Vanina, Korsakov²⁸. Trong thời gian ở Việt Nam, đội đã bốc dỡ 26 tàu tải trọng lớn và hơn 100 nghìn tấn hàng hóa²⁹. Riêng tại cảng Hải Phòng, đội đã “xử lý 79.100 tấn hàng hóa, chuyển đến vận tải đường sắt 14.000 tấn, giải phóng 16 tàu hàng, còn tại cảng Sài Gòn, đã xử lý 25.700 tấn và giải phóng 13 tàu hàng, tiết kiệm hơn 4.500 giờ neo đậu tàu”³⁰.

Để hỗ trợ Việt Nam về mặt tình báo, ngay khi chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam nổ ra, Bộ Tư lệnh Quân đội Liên Xô đã chỉ đạo phóng lên không trung một không ảnh vệ tinh do thám điện tử. Thiết bị này có khả năng chụp ảnh toàn bộ khu vực chiến trường và thu thập tin tức của quân đội đối phương từ bức xạ điện từ. Liên Xô còn gửi đến Vịnh Bắc Bộ một số máy bay trinh sát điện tử Tu-95 được trang bị các thiết bị tiên tiến nhất³¹ cùng với các tàu chiến của Hạm đội Thái Bình Dương thu thập thông tin tình báo, theo dõi hoạt động của Không quân và Hải quân Trung Quốc. Theo Douglas Pike, “Liên Xô đã lắp đặt một chuỗi sáu trung tâm radar (50 điểm) ở phía Bắc Nha Trang, từ đó có thể theo dõi hoạt động của máy bay trong khoảng cách khoảng 100 dặm”³².

Lực lượng vũ trang Liên Xô gồm “250.000 quân nhân có sự yểm trợ của không quân cấp tốc áp sát biên giới với Trung Quốc và được đặt trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu ở cấp độ 1”³³. Các sư đoàn của quân khu Baikal, quân khu Viễn Đông, Hạm đội Thái Bình Dương và tất cả các đơn vị tên lửa của Liên Xô ở Viễn Đông đều được đặt trong

tình trạng báo động. Dọc theo chiều dài 4.500 km đường biên giới Xô-Trung, tùy thời điểm, khoảng từ 40 đến 44 sư đoàn quân đội Liên Xô được huy động trực chiến³⁴. Tháng 2-1979, Bộ Chỉ huy các lực lượng vũ trang vùng Viễn Đông được thành lập, đặt hai quân khu Baikal và Viễn Đông dưới sự chỉ huy chung, thống nhất, sẵn sàng hành động khi có lệnh³⁵. Giữa tháng 3-1979, Liên Xô phát lệnh tổng động viên và chỉ trong vài ngày, ở quân khu Viễn Đông, hơn 50.000 sĩ quan dự bị đã được gọi phục vụ quân đội; đồng thời, tại quân khu Turkestan, hơn 20.000 sĩ quan dự bị dày dặn kinh nghiệm quân sự đã được triệu tập³⁶, hơn 5.000 xe ô tô tải đã được huy động từ nền kinh tế quốc dân³⁷.

Một trong những hoạt động biểu dương sức mạnh và ý chí mang tính răn đe của Liên Xô đối với Trung Quốc là tổ chức các cuộc diễn tập quân sự hợp đồng binh chủng bắn đạn thật tại các khu vực trọng yếu ở biên giới đất liền giáp Trung Quốc và trên biển (từ ngày 12-3 đến ngày 26-3-1979). Phải nói rằng, đây là những cuộc tập trận hùng hậu vào bậc nhất trong lịch sử quân sự Xô viết với lực lượng huy động lớn và sự chuyển quân hết sức thần tốc. Cuộc diễn tập lớn nhất diễn ra tại Mông Cổ (nơi vốn được Bắc Kinh quan niệm là bàn đạp lý tưởng nếu Liên Xô quyết định tấn công Trung Quốc) với sự tham gia của 6 sư đoàn xe tăng và xe cơ giới, 2 lữ đoàn không quân và nhiều đơn vị, bộ phận khác³⁸. Chỉ trong vòng 2 ngày, hàng trăm máy bay chiến đấu từ các căn cứ không quân ở Ukraine và Belarus đã vượt 7.000 km đường hàng không để có mặt tại Mông Cổ; Sư đoàn Không quân 106-một trong những sư đoàn tinh nhuệ nhất của lực lượng Dù, đã được chuyển bằng máy bay từ Tula đến Chita, vượt qua 5.500 km đường hàng không cũng chỉ trong có hai ngày³⁹. Đặc biệt, cuộc tập trận ở biên giới Đông Bắc Trung Quốc diễn ra khá ấn tượng: “Chỉ riêng lực lượng xe tăng đã có 12 trung đoàn (với 100 xe tăng/mỗi trung đoàn) tham gia”⁴⁰.

và về mặt lý thuyết, đội quân bọc thép này có thể cơ động đến các khu vực trung tâm của Trung Quốc chỉ trong một vài ngày. Góp mặt vào các cuộc diễn tập ở vùng Viễn Đông và Đông Kazakhstan-nơi có đường biên giới với Trung Quốc, ngoài các đơn vị hiệp đồng binh chủng cấp sư đoàn trở lên, còn có các đơn vị bộ đội biên phòng Liên Xô. Tham gia vào các cuộc diễn tập trên đất liền “đã có 20 sư đoàn binh chủng hợp thành với tổng số quân lên tới hơn 200.000 người, hơn 2.600 xe tăng, khoảng 900 máy bay”⁴¹; đã sử dụng hơn 1.000 quả bom và tên lửa⁴². Để bảo vệ lực lượng mặt đất trong các cuộc diễn tập cũng như phối hợp diễn tập, “3 sư đoàn không quân (đầy đủ), 2 trung đoàn trực thăng, 2 trung đoàn máy bay trinh sát đã được huy động và họ đã thực hiện 2.987 chuyến bay với tổng cộng 2.834 giờ bay”⁴³. Trên hướng biển, từ tháng 1-1979, các tàu tuần dương và tàu khu trục Liên Xô đã vào Biển Đông vừa biểu dương lực lượng, vừa giúp Việt Nam thu thập tin tức tình báo. Trên các vùng biển phía Đông và Nam Trung Quốc, có gần 50 tàu chiến (trong đó có 6 tàu ngầm) của hạm đội Thái Bình Dương đồng loạt triển khai diễn tập tác chiến; đồng thời, ở vùng biển Primorie cũng thực hiện diễn tập đổ bộ đường biển⁴⁴.

Trong điều kiện chiến sự đang diễn ra ác liệt trên đất liền, thì việc bảo vệ vững chắc lãnh hải của Việt Nam là vô cùng cần thiết và Hạm đội Thái Bình Dương của Liên Xô đã nhanh chóng vào cuộc. Đến ngày 20-3-1979, 13 tàu chiến Liên Xô hợp đã thành một phi đội hùng hậu và ngày 21-2-1979, một tuần dương hạm lớp Sverdlov và một khu trục hạm lớp Krivak đã đến Biển Đông, nhập vào phi đội nói trên⁴⁵, còn đến đầu tháng 3-1979, số lượng tàu chiến của phi đội tiếp tục tăng, lên tới 30 chiếc⁴⁶. Các chiến hạm Xô viết đã bảo vệ an toàn tuyến vận tải biển chở hàng viện trợ vào Việt Nam, “thực sự chặn lối vào Vịnh Bắc Bộ, không một tàu thuyền nào được phép đi qua ngả này, ngoại trừ

tàu Liên Xô và tàu của các nước thuộc khối Hiệp ước Warsaw mang vũ khí và thực phẩm đến Hải Phòng”⁴⁷. Sự có mặt và tuần tiễu của các tàu chiến thuộc Hạm đội Thái Bình Dương đã góp phần cân bằng lực lượng trên biển, ngăn chặn, loại trừ những kế hoạch phiêu lưu quân sự của các phi đội, hạm đội tàu của cả Mỹ⁴⁸ và Trung Quốc⁴⁹.

Về viện trợ quân sự, trong thời gian ngắn nhất, Quân đội nhân dân Việt Nam đã nhận được những vũ khí cần thiết để bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể là từ khi chiến tranh bùng nổ (17-2-1979) đến hết tháng 3-1979, Liên Xô đã chuyển đến Việt Nam hơn 400 xe tăng, xe thiết giáp và xe bộ binh cơ giới; 400 khẩu pháo và súng cối; 50 tổ hợp pháo phản lực Grad BM-21; hơn 100 khẩu pháo phòng không, 400 tổ hợp tên lửa phòng không vác vai cùng hàng nghìn tên lửa; 800 súng chống tăng RPG-7, 20 máy bay tiêm kích⁵⁰.

3. Kết luận

Đã có nhiều ý kiến và quan điểm khác nhau về sự trợ giúp của Liên Xô cho Việt Nam trong chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam năm 1979 quy chiếu theo Điều VI của Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa Liên Xô và Việt Nam (11-3-1978). Nhiều nhà nghiên cứu của Việt Nam và thế giới đã phê phán, chỉ trích Liên Xô đã giúp đỡ đồng minh của mình một cách hạn chế, không tuân thủ đầy đủ Hiệp ước đã ký kết⁵¹. Nhìn chung, những nhận định như thế theo quan điểm của chúng tôi chủ yếu dựa trên cơ sở Liên Xô đã không tấn công Trung Quốc ở khu vực biên giới và rõ ràng những suy luận đó là thiếu căn cứ vững chắc.

Để có thể đánh giá về sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trong chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam năm 1979 một cách khách quan, công bằng, cần dựa ít nhất trên bốn yếu tố: 1-Lợi ích quốc gia của Liên Xô; 2-Cơ sở pháp lý và hàm ý thật sự của Hiệp ước giữa hai nước; 3-Yêu cầu

và mong muốn của Việt Nam; 4-Hiệu quả thực tế những hỗ trợ của Liên Xô cho Việt Nam.

Trước tiên, cách tiếp cận mềm dẻo của Liên Xô trong việc hỗ trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống xâm lược cần được đặt trên và giải thích trong bối cảnh chính trị liên quan đến vai trò siêu cường và quan hệ khu vực⁵². Ngoài ra, việc phê chuẩn thỏa thuận SALT II mà Liên Xô và Mỹ đã dày công thương thuyết không thể để bị chìm vào làn sóng xung đột, đối đầu và nghi kỵ. Báo *Pravda* cũng đã lập luận rằng Liên Xô đủ bình tĩnh và thông minh để không rơi vào những khiêu khích quân sự của Trung Quốc, nhằm đẩy Liên Xô vào những căng thẳng không cần thiết với Hoa Kỳ.

Tiếp đó, khi nghiên cứu kỹ nội dung của Hiệp ước giữa Liên Xô và Việt Nam, nhất là Điều VI của Hiệp ước, có thể thấy giới hạn hỗ trợ lẫn nhau chỉ dừng lại ở việc “tham vấn để tìm ra các biện pháp hiệu quả” nhằm ngăn chặn mối đe dọa nếu một trong các bên bị tấn công hoặc bị đe dọa tấn công⁵³. Như vậy, Hiệp ước không bắt buộc Liên Xô phải bảo vệ Việt Nam khi Việt Nam bị tấn công, nó khác căn bản so với nhiều hiệp ước về hợp tác và hữu nghị mà Liên Xô đã ký trước đó với các đồng minh của mình (như với Mông Cổ⁵⁴, với Bắc Triều Tiên⁵⁵ và thậm chí là ngay cả với Trung Quốc⁵⁶). Khi phê phán sự giúp đỡ của Liên Xô đối với Việt Nam trong cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc Việt Nam, các nhà nghiên cứu đã bỏ quên sắc thái pháp lý này.

Tiếp nữa, khi lục tìm các văn bản, giấy tờ trao đổi giữa Việt Nam và Liên Xô, cũng không tìm thấy bất cứ một yêu cầu/đề nghị nào từ phía Việt Nam thể hiện mong muốn Liên Xô can thiệp sâu vào cuộc chiến. Nhìn chung, Việt Nam hiểu rõ phạm vi và nội dung của Hiệp ước, hành động đúng/đủ trong khuôn khổ của Hiệp ước đó; đồng thời, tự tin vào thực lực, vào truyền thống và bản lĩnh quân sự, Việt Nam lựa chọn con đường dựa vào sức mình là

chính trong cuộc đối đầu với quân xâm lược như vốn đã từng hành động trong lịch sử.

Cuối cùng, các cuộc tập trận mà quân đội Liên Xô tiến hành đã làm quân xâm lược phải dàn lực trên hai hướng, không thể tập trung 100% sức mạnh vào mặt trận với Việt Nam⁵⁷. Hơn nữa, với “44 sư đoàn luôn sẵn sàng chiến đấu”⁵⁸-tất yếu, điều đó không khỏi khiến kẻ thù phải e ngại và dè chừng, kiềm chế trong các hoạt động quân sự trên mặt trận với Việt Nam, giới hạn nó trong một cuộc chiến tranh hạn chế. Ngoài ra, các con số về hàng hóa viện trợ, về vũ khí, khí tài... cũng như sự ủng hộ chính trị là những hỗ trợ hết sức kịp thời, hiệu quả của Liên Xô đối với Việt Nam, nhất là trong điều kiện Việt Nam vừa ra khỏi chiến tranh chưa lâu, phải chiến đấu trên hai chiến tuyến và đang bị cô lập trên trường quốc tế cũng như ở khu vực sau sự kiện đưa quân vào Campuchia. Cũng cần phải nói thêm rằng, sự ủng hộ của Liên Xô đối với Việt Nam những năm tháng đó thực sự không hề nhỏ, khi nó không chỉ được đo đếm bằng các con số vật chất thông thường (dù rằng đó là những lực lượng vật chất hết sức to lớn⁵⁹) mà bằng cả sinh mạng con người⁶⁰.

Những phân tích, luận giải trên đây góp phần khẳng định rằng, Liên Xô đã hỗ trợ Việt Nam trong khả năng và giới hạn cho phép, phù hợp với nội dung của Hiệp ước được ký kết giữa hai nước vào tháng 11-1979. Bất kể vì lý do nào, thì sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô cả về chính trị và quân sự trong những ngày tháng nhân dân Việt Nam chiến đấu bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, bảo vệ quyền dân tộc thiêng liêng là hết sức quan trọng, cần được ghi nhận và trân quý.

1. Правда, 19 февраля 1979 г, с. 1. Xem thêm: TASS, February 18, 1979; báo *Nhân Dân*, ngày 19-2-1979, tr. 1

2. Правда, Указ. Соч, с. 1
3. Xem báo *Nhân Dân*, số 9022, ngày 20-2-1979, tr. 4; báo *Nhân Dân*, số 9023, ngày 21-2-1979, tr. 1; báo *Nhân Dân*, số 9026, ngày 24-2-1979, tr. 4; báo *Nhân Dân*, số 9027, ngày 25-2-1979, tr. 1; *Foreign Broadcast Information Service*, February 26, 1979, p. 2; *Foreign Broadcast Information Service*, March 5, 1979, p. 3
4. Báo *Nhân Dân*, số 9022, ngày 20-2-1979, tr. 4
5. Báo *Nhân Dân*, số 9023, ngày 21-2-1979, tr. 1
6. Xem báo *Nhân Dân*, số 9034, ngày 4-3-1979, tr. 1
7. Trong cuộc hội đàm giữa Ngoại trưởng Mỹ Vance và Đại sứ Liên Xô tại Hoa Kỳ A.Dobrynin, Dobrynin nêu quan điểm: Liên Xô cho rằng, Mỹ đã “bật đèn xanh” cho hành động xâm lược Việt Nam-ám chỉ những bí mật mà Bắc Kinh và Washington đã thỏa thuận trong chuyến thăm Mỹ của Đặng Tiểu Bình (Cyrus Vance, *Hard Choices: Critical Years in America's Foreign Policy*, New York: Simon & Schuster, 1983, p. 121-122)
8. Công nhân nhiều nhà máy ở Liên Xô như Nhà máy luyện kim Búa Liềm, Nhà máy dệt Xoncov, Nhà máy cơ khí Siberia, Xí nghiệp liên hợp sản xuất phân hóa học Vónxcorexenski, ... đã mít tinh lên án hành động xâm lược, bày tỏ tình đoàn kết với nhân dân Việt Nam. Các thủy thủ của tuần dương hạm Vladivostok đã gay gắt chỉ trích cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam; khẳng định hoàn toàn ủng hộ Tuyên bố của Liên bang Xô viết (Розин Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г и создание ПМТО Камрань, Сайт Советский флот в войнах и конфликтах “холодной войны”, 16 июля 2010 г)
9. Các hội đoàn như Ủy ban Phụ nữ Liên Xô, Hội Nhà báo Liên Xô, Hội Nhạc sĩ Liên Xô, Ủy ban Đoàn kết nhân dân Á-Phi của Liên Xô, Công đoàn công nhân ngành luyện kim và mỏ Liên Xô, Hội Sinh viên đại học Liên Xô... đều ra tuyên bố bày tỏ sự công phần sâu sắc đối với cuộc chiến tranh xâm lược vào lãnh thổ Việt Nam (Báo *Nhân Dân*, số 9035, ngày 5-3-1979, tr. 3; báo *Nhân Dân*, số 9036, ngày 6-3-1979, tr. 3)
10. Xem Báo *Nhân Dân*, số 9024, ngày 22-2-1979, tr. 1
11. Xem *Круглый стол» по первой в истории войне между соцстранами-Вьетнамом и Китаем (1979) и военному конфликту за риф Джонсон (1988)*, Газете.Ru, 14 марта 2014 г
12. Xem А.Г.Дорожкин, В.В.Переверзев: Первые “Социалистические войны” в отражении советской периодической печати, Журнал Проблемы истории, филологии, культуры, Магнитогорский гос. ун-т, 2012, No.1, с. 246
13. Báo *Nhân Dân*, số 9024, ngày 22-2-1979, tr. 4; báo *Nhân Dân*, số 9028, ngày 26-2-1979, tr. 4; báo *Nhân Dân*, số 9038, ngày 8-3-1979, tr. 4
14. Báo *Nhân Dân*, số 9027, ngày 25-2-1979, tr. 1. Xem thêm: *Foreign Broadcast Information Service*, February 26, 1979, p. 1
15. Báo *Nhân Dân*, số 9029, ngày 27-2-1979, tr. 1
- 16, 17. Báo *Nhân Dân*, số 9028, ngày 26-2-1979, tr. 1, 1
18. Xem *UN Chronicle*, Vol. XVI, No.3 (March 1979), p. 5
19. Xem *UN Chronicle*, Vol. XVI, No.4 (April 1979), p. 46-49. Xem thêm: *The New York Times*, March 5, 1979, p. 12
20. Xem Александр Окорочков: Секретные войны СССР: Самая полная энциклопедия, Изд. Яуза. Эксмо, Москва, 2008, с. 439
21. Xem Мосяков Д.В: Роль СССР в отражении агрессии Китая против Вьетнама в 1979 г, Жур. Юго-Восточная Азия: актуальные проблемы развития. 2014. № 22, с. 133
- 22, 25. Мосяков Д.В: Роль СССР в отражении агрессии Китая против Вьетнама в 1979 г, Указ. Соч, с. 133, 133
23. Xem Александр Окорочков: Секретные войны СССР: Самая полная энциклопедия, Указ. Соч, с. 440. Xem thêm: Розин Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979, Указ. Соч
24. Khi quân xâm lược tấn công Việt Nam, 85% lực lượng vũ trang Việt Nam đang ở Campuchia. Ở biên giới phía Bắc, chiến đấu với quân đội chính quy của quân xâm lược chủ yếu là lực lượng vũ trang địa phương và dân quân du kích
26. Tuy nhiên, Rosin Alexander cho rằng “việc quân đoàn thứ hai từ Campuchia về khá chậm trễ, còn Trung đoàn BM-21 chỉ được đưa vào vị trí vào ngày 5-3-1979, đóng ở đó cho đến ngày 24-3 và không hề khai hỏa, sau đó được đưa trở lại tuyến sau” (Розин Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г)

27. Владимир Сумароков: Как СССР помог Вьетнаму отразить китайскую агрессию, Военное обозрение, 26 ноября 2013. Xem thêm: Владимир Сумароков: Наглядная демонстрация военной мощи, Воздушно-космическая оборона, 30 апреля 2017

28. Đội bốc xếp làm việc hơn 3 tháng ở Việt Nam, dưới quyền của G.I.Pikusa-Giám đốc cảng vụ Cảng Nakhodka. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ về nước, toàn bộ các trang thiết bị phục vụ việc bốc xếp đã được Đội tặng lại các cảng của Việt Nam

29. Xem Александр Окорочков: Секретные войны СССР: Самая полная энциклопедия, Указ. Соч, p. 442

30. Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г, Указ. Соч

31. Xem Розин Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г, Указ. Соч. Xem thêm: Sheldon W. Simon: *The Soviet Union and Southeast Asia: Interests, Goals and Constraints*, Orbis, Spring, 1981, p. 74

32. Douglas Pike: *Vietnam, A Modern Sparta*, Pacific Defence Reporter, Pacific Defence Reporter, April 1983, p. 34

33, 37. Xem Владимир Сумароков: Наглядная демонстрация военной мощи, Указ. Соч

34. Xem *The New York Times*, March 15, 1979

35. Xem Алексей Вольнец: Китайский фронт холодной войны, Военное обозрение, 5 июля 2014

36. Xem Алексей Вольнец: Китайский фронт холодной войны, Указ. Соч

38. Xem Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г, Указ. Соч. Tuy nhiên, theo số liệu mà Dmitry Mosyakov và Alexey Voly-nets đưa ra thì con số tham gia tập trận ở Mông Cổ là: 1.200 xe tăng, 10 trung đoàn không quân (60-63 máy bay/trung đoàn) và sư đoàn lính dù (*Круглый стол» по первой в истории войне между союстранами-Вьетнамом и Китаем (1979) и военному конфликту за риф Джонсон (1988)*, Указ. Соч; Алексей Вольнец: Китайский фронт холодной войны, Военное обозрение, 5 июля 2014)

39. Xem Владимир Сумароков: Наглядная демонстрация военной мощи, Указ. Соч. Xem thêm Розин Александр:

Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г, Указ. Соч

40, 41, 43, 47. Розин Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г, Указ. Соч

42, 44. Xem Владимир Сумароков: Наглядная демонстрация военной мощи, Указ. Соч.

45. Xem *The New York Times*, February 22, 1979, p. 1 and 6

46. Xem Александр Окорочков: Секретные войны СССР: Самая полная энциклопедия, Указ. Соч, p. 441. Liên đội tàu gồm có: Tuần dương-Kỳ hạm Đô đốc Senyavin, tuần dương tên lửa Đô đốc Fokin, tàu chống ngầm Vasily Chapaev, Spasobnyi, Strogii, Tàu khu trục Vozbuzdennyi, tàu hộ vệ Razyaschiy và nhiều tàu khác

48. Căng thẳng Trung-Việt đã lôi kéo sự có mặt của lực lượng hải quân Mỹ (cụm lực lượng công kích chủ lực-tàu sân bay (AUG) gồm các tàu tuần dương hạm Leany (CG-16), khu trục hạm Morton (DD-948), tàu vận tải đổ bộ Takelma (ATF-113) do tàu sân bay Constellation (CV-64) dẫn đầu) đến biển Đông Nam Á vào ngày 6-12-1979, để ngăn chặn các hoạt động của Hải quân của Xô viết trong khi trợ giúp Việt Nam thu thập tin tức tình báo về hoạt động của lực lượng vũ trang Trung Quốc

49. Hải quân địch đã triển khai một Hạm đội hỗn hợp mang phiên hiệu 217 (gồm khoảng 300 chiếc tàu, gồm hai tàu khu trục tên lửa, một nhóm tàu hộ vệ tên lửa, một nhóm tàu phóng lôi, một nhóm tàu tên lửa cao tốc và các tàu tuần tiểu hạng nhẹ), ở các cảng Quảng Tây-Quảng Đông và quần đảo Hoàng Sa

50. Những vũ khí nói trên được test bởi những đoàn kiểm tra hết sức nghiêm túc, được lắp ráp và vận hành thử bởi các chuyên gia lão luyện, vì thế, chúng có thể đưa thẳng ra mặt trận phục vụ chiến đấu mà không cần qua bất kỳ một cuộc thử nghiệm nào nữa (Ромахина Мария: Как СССР помог Вьетнаму отразить китайскую агрессию, Указ. Соч. Xem thêm: Владимир Сумароков: Наглядная демонстрация военной мощи, Указ. Соч)

51. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, "Liên Xô đã không hoạch định can thiệp quân sự vào cuộc xung đột Trung Quốc-Việt Nam chừng nào mà quy mô của chiến sự còn được hạn

chế” (Zhang Xiaoming: *Deng Xiaoping and China's Decision to go to War with Vietnam*, Journal of Cold War Studies, Vol. 12, No. 2, Summer 2010, p. 26). Henry Kissinger cũng nhận định rằng, trong khi lên án cuộc tấn công xâm lược Việt Nam “chính phủ Liên Xô chỉ ra tuyên bố vô thường vô phạt, nhấn mạnh nhân dân Việt Nam anh hùng... một lần nữa có khả năng tự chống trả” (Henry Kissinger: *On China*, Penguin Books, 2011, p. 464). Hoa Quốc Phong tổng kết một cách ngắn gọn: “Họ đã tập trận gần biên giới, gửi tàu tới Biển Đông, nhưng họ không dám làm gì. Vì vậy, rốt cuộc chúng ta vẫn có thể sờ móng cạp” (Henry Kissinger: *On China*, Ibid, p. 472). Còn Bắc Kinh thì tuyên bố rằng việc Moscow không can thiệp đã chứng minh rằng Liên Xô chỉ là một “con gấu Bắc cực bằng giấy”

52. Chắc chắn, Liên Xô muốn tránh đối đầu trực tiếp với Trung Quốc-một hành động dễ dẫn đến sự can dự của Mỹ; từ đó, có thể bùng nổ một cuộc chiến tranh lớn (thậm chí là chiến tranh thế giới thứ ba với rất nhiều bên liên quan sở hữu vũ khí hạt nhân), ảnh hưởng đến tình hình toàn cục cũng như lợi ích của Liên Xô

53. Xem Договор о дружбе и сотрудничестве между Союзом Советских Социалистических Республик и Социалистической Республикой Вьетнам, <http://docs.cntd.ru/document/901883310>

54. Điều II của Hiệp ước hữu nghị và tương trợ giữa Liên bang Cộng hòa XHCN Xô viết và Cộng hòa nhân dân Mông Cổ ghi rõ: “Chính phủ Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô viết và Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ cam kết, trong trường hợp một trong hai bên tham gia ký kết Hiệp ước bị tấn công quân sự, sẽ hỗ trợ nhau trên mọi phương diện, kể cả quân sự” (“Ведомости Верховного Совета СССР”, 30 апреля 1946 г. № 13(422), с. 2)

55. Điều I Hiệp ước hữu nghị, hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa Liên Xô và Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên (6 июля 1961 года) khẳng định: Trong trường hợp một trong các bên ký kết Hiệp định bị tấn công vũ trang bởi bất kỳ quốc gia hoặc liên minh các quốc gia nào và ở trong tình trạng chiến tranh, bên kia sẽ ngay lập tức tiến hành hỗ trợ về quân sự và những hỗ trợ khác với tất cả nguồn lực hiện có” (United Nations-Treaty Series)

56. Điều I Hiệp ước hữu nghị, liên minh và hỗ trợ lẫn nhau giữa Liên Xô và Trung Quốc (1950) viết: “Trong trường hợp

một trong hai bên tham gia Hiệp ước bị Nhật Bản hoặc các quốc gia đồng minh của Nhật Bản tấn công, rơi vào tình trạng chiến tranh, thì bên còn lại sẽ ngay lập tức tiến hành hỗ trợ về quân sự và những hỗ trợ khác với tất cả nguồn lực hiện có” (“Ведомости Верховного Совета СССР”, 16 ноября 1950 г. № 36 (651), с. 4)

57. Các cuộc chuyển quân áp sát biên giới Trung Quốc cùng với các cuộc diễn tập hợp đồng binh chủng bắn đạt thật rầm rộ mà Liên Xô tiến hành đã khiến Đặng Tiểu Bình dù lý luận rằng một cuộc phản công tự vệ vào Việt Nam nhiều nhất cũng sẽ chỉ kéo theo một cuộc tấn công quy mô nhỏ hoặc trung bình của Liên Xô mà thôi, thì cũng đã phải thành lập mặt trận thứ hai ở khu vực biên giới với Liên Xô, đổ vào đó không ít nguồn lực vật chất cũng như nhân lực. Dọc tuyến biên giới Xô-Trung, Trung Quốc đã phải huy động khoảng 1,5 triệu quân trên tổng số quân thường trực chiến đấu là 3,6 triệu người và phải sơ tán hàng trăm ngàn dân thường khỏi các khu vực đó

58. *The New York Times*, March 15, 1979, p. 1

59. Chỉ riêng số nhiên liệu cho 2.600 xe tăng tham gia tập trận (1 tấn/1 chiếc xe tăng đủ cho 400-450km đường; trung bình mỗi xe tăng di chuyển khoảng hơn 1.500km) là một con số lớn khủng khiếp, chưa kể nhiên liệu cho 13 nghìn đơn vị xe cơ giới với quãng đường trung bình 1.400 km và máy bay hộ tống. Chi phí nhiên liệu cao đến mức Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã quyết định để lại Mông Cổ hai sư đoàn xe cơ giới của Quân khu Baikal thay vì đưa chúng trở về các căn cứ quân sự trên đất Liên Xô vì chi phí cho vận chuyển chúng đắt hơn thành lập/trang bị mới (Розин Александр: Советский ВМФ в сдерживании китайской агрессии против Вьетнама в 1979 г, Указ. Сочи)

60. Tháng 3-1979, khi hạ cánh gần Đà Nẵng, máy bay An-14 của Việt Nam chở các cố vấn quân sự Liên Xô bị rơi, 6 phi công-hoa tiêu với người đứng đầu là Thiếu tướng Malui đã hy sinh. Ngoài ra, vào cuối tháng 2-1979, khi một bộ phận của Sư đoàn 106 lính dù đã hạ cánh tại khu vực biên giới Mông Cổ-Trung Quốc, hơn 10 người đã thiệt mạng và bị thương vì gió bão. Trong cuộc tập trận vào tháng 3-1979, cơ trưởng V. L.Samoilov chỉ huy máy bay MiG-21bis đã thiệt mạng trong lúc cất cánh.